

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EA H'LEO  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HN&GD-ST

Ngày: 18/5/2021.

“V/v: *Kiện ly hôn*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Long

Các hội thẩm nhân dân gồm có: Ông Võ Ánh Sửu.

Ông Hoàng Tuyển

- *Thư ký phiên toà:* Ông Phan Việt Tiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

- *Đại diện VKSND huyện Ea H'Leo:* Ông Ksor Ykon – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Ea H'leo, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 353/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “*Kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXX-ST, ngày 29/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn B, xã DY, huyện E, tỉnh Đắc Lăk. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn B, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn B, xã DY, huyện E, tỉnh Đắc Lăk. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn B sống chung với nhau từ ngày 15/12/2009, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DY, huyện E, tỉnh Đắc Lăk. Sau khi kết hôn cuộc sống chung không được hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Do không thể sống chung với nhau được nên vợ chồng đã sống ly thân, anh B bỏ đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhưng vợ chồng vẫn không hòa thuận được. Vì vậy, chị Nguyễn Thị L làm đơn xin ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị L và anh B đã có 02 người con chung là: Bùi Thị Như Y, sinh ngày 23/6/2011 và Bùi Trường H, sinh ngày 06/8/2013. Chị L yêu cầu được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Như Y cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh B góp phí tổn nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\*Bị đơn anh Bùi Văn B trình bày tại bản tự khai ngày 22/01/2021: Anh B và chị Nguyễn Thị L lấy nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã DY, hôn nhân là tự nguyện, thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn, nay chị L xin ly hôn thì anh B đồng ý.

Về con chung: Anh B yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Trường H cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị L góp phí tốn nuôi con.

Về tài sản và nợ: Anh B không yêu cầu giải quyết.

Do công việc phải đi làm ăn xa không có thời gian để tham gia giải quyết vụ án được nên anh B có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Tại bản tự khai cháu Bùi Thị Như Y trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ; cháu Bùi Trường H trình bày nguyện vọng muốn được ở với cha.

Các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án: Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản photo); 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị L (bản photo); Hộ chiếu mang tên Bùi Văn B (bản photo); 01 bản sao trích lục giấy khai sinh của cháu Bùi Thị Như Y và Bùi Trường H; Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn; Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của anh B, chị L; đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt của anh B và chị L.

Do nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Tại phiên tòa chủ tọa phiên tòa chủ tọa công bố lý do đương sự vắng mặt; nêu tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của HĐXX, đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn xét xử: đảm bảo đúng thời hạn quy định.

Về nội dung: Yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu ly hôn của chị L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng các đương sự theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn B kết hôn với nhau vào năm 2009, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DY, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình sống chung với nhau chị L và anh B có nhiều mâu thuẫn và đến nay đã trầm trọng hiện tại hai người đã sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa, điều này được anh B thừa nhận và cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L là có căn cứ phù hợp với Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị L và anh B có 02 người con chung là: Bùi Thị Như Y, sinh ngày 23/6/2011 và Bùi Trường H, sinh ngày 06/8/2013.

Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Như Y của chị L và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Trường H của anh B, HĐXX thấy hiện tại cả chị L và anh B đều có đủ khả năng để nuôi con và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên cần chấp nhận, giao cháu Bùi Thị Như Y cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và giao cháu Bùi Trường H cho anh Bùi Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 228; Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Bùi Văn B.

Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Như Y, sinh ngày 23/6/2011 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Bùi Trường H, sinh ngày 06/8/2013 cho anh Bùi Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Anh Bùi Văn B; chị Nguyễn Thị L có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở nhưng nếu lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai số: 0012195 ngày 29 tháng 10 năm 2020.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- UBND xã DY;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Long**